

Số: 11 /QĐ-HĐQL

Đồng Nai, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc quỹ đầu tư phát triển tỉnh tại Văn bản số 193/ĐTPT-KHTH ngày 24 tháng 11 năm 2025 và ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 12/QĐ-HĐQL ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng quản lý Quỹ về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Long



QUY CHẾ

Cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQL ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Quỹ) cho vay đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được ban hành hàng năm hoặc trong từng thời kỳ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.
2. Khách hàng vay vốn tại Quỹ là các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc mọi thành phần kinh tế.
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho vay tại Quỹ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Dự án đầu tư” là tập hợp những đề xuất; trong đó có nhu cầu vốn, vay vốn, cách thức sử dụng vốn và cách thức trả nợ vay trong một khoảng thời gian xác định.
2. “Cho vay” là hình thức cấp tín dụng thông qua việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho Quỹ.
3. “Thời hạn cho vay” là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận vốn vay cho đến thời điểm trả hết nợ vay (gốc và lãi) đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Quỹ và khách hàng.
4. “Kỳ hạn trả nợ” là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ. Kỳ hạn trả nợ được tính theo tháng/3 tháng/6 tháng/12 tháng.
5. “Cơ cấu lại thời hạn trả nợ” là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ vay đối với các khoản nợ vay của khách hàng theo hai phương thức sau:

a) “Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b) “Gia hạn nợ” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

6. “Thời hạn ân hạn” là khoảng thời gian tính từ khi Quỹ giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian ân hạn, khách hàng chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký.

7. “Tổng số vốn đầu tư dự án” là số vốn cần thiết để tạo ra tài sản của dự án bao gồm các chi phí xây lắp, thiết bị, các chi phí khác nằm trong tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. “Khả năng tài chính của khách hàng” là khả năng về vốn, tài sản của khách hàng vay để bảo đảm khả năng triển khai thực hiện dự án, bảo đảm hoạt động thường xuyên và thực hiện các nghĩa vụ thanh toán.

9. “Hợp đồng tín dụng” là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa Quỹ với khách hàng về nội dung cho vay vốn tín dụng để thực hiện đầu tư dự án.

10. “Hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh thế chấp, hợp đồng cầm cố tài sản bảo đảm tiền vay” là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa Quỹ với khách hàng về việc bảo đảm các khoản vay của chủ đầu tư có vay vốn tại Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Dự án khả thi được phê duyệt theo quy định pháp luật, có hiệu quả kinh tế - xã hội, có khả năng trả nợ vốn vay.

2. Khách hàng vay vốn phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết.

3. Hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ trong hợp đồng tín dụng.

Điều 5. Những dự án không được cho vay

Quỹ không được cho vay đối với các dự án sau:

1. Các dự án đầu tư không nằm trong Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Để trả nợ khoản nợ vay tại Quỹ trừ trường hợp cho vay để thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi

tiền vay được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Để trả nợ khoản vay nước ngoài (không bao gồm khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm), khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Đối tượng cho vay

Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.
2. Không là công ty con của Quỹ.
3. Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều kiện cho vay

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
2. Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.
3. Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.
4. Có tài sản bảo đảm cho khoản vay theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này và theo quy định của pháp luật.
5. Có vốn chủ sở hữu tham gia dự án tối thiểu 20% và phải bảo đảm đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, các điều kiện tài chính cụ thể của phần vốn đầu tư ngoài phần vốn vay tại Quỹ.
6. Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thời hạn cho vay

1. Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.
2. Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

2. Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

3. Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Nghị định 147/2020/NĐ-CP và của Quy chế này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

5. Lãi vay được tính từ ngày Quỹ giải ngân khoản vay đầu tiên cho khách hàng cho đến hết ngày liền kề trước ngày khách hàng trả hết nợ gốc. Lãi vay phải trả được tính trên số dư nợ vay thực tế (của khách hàng) nhân (x) số ngày vay thực tế (x) lãi suất năm và chia (:) cho 365 ngày. Lãi vay được tính theo 13 kỳ trong năm tính từ ngày 16 tháng này đến ngày 15 tháng sau, đối với số tiền lãi phải trả của kỳ tính lãi thứ 13, bên vay có thể thanh toán chung với kỳ tính lãi thứ 01 của năm liền kề.

6. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì khoản nợ vay đến hạn chưa trả bị chuyển nợ quá hạn; khách hàng phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Điều 10. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 80% tổng mức đầu tư của dự án. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị từ trên 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 12. Bảo đảm tiền vay

1. Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ và quy định về giao dịch bảo đảm hiện hành.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng đã ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

Điều 13. Cho vay hợp vốn

1. Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của Quỹ tham gia đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Quy chế này.

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Quy chế này.

4. Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Dự án phải thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ hoạt động;

c) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh.

5. Lãi suất cho vay hợp vốn do các bên tham gia hợp vốn cho vay tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

Điều 14. Ủy thác cho vay

1. Nguyên tắc ủy thác

Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng chính sách thực hiện hoạt động cho vay trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Thực hiện thỏa thuận giữa Quỹ và bên nhận ủy thác tại hợp đồng ủy thác.

b) Bên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba và không sử dụng vốn ủy thác trái mục đích, nội dung ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác.

2. Quy định cụ thể về ủy thác cho vay

a) Việc ủy thác cho vay phải được thực hiện bằng hợp đồng ủy thác cho vay giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Lĩnh vực, đối tượng, điều kiện, lãi suất, thời hạn và giới hạn cho vay được áp dụng như quy định Quỹ trực tiếp cho vay.

c) Tùy theo từng nội dung ủy thác cụ thể, Giám đốc Quỹ thỏa thuận nội dung chi tiết trong hợp đồng được ký kết với bên nhận ủy thác trên cơ sở đảm bảo các nội dung cơ bản sau: thông tin của bên nhận ủy thác và ủy thác, mục đích, nội dung, số vốn, thời hạn, chi phí dịch vụ ủy thác, đối tượng hưởng thụ, hình thức thanh toán, giải ngân vốn vay, quyền và nghĩa vụ các bên, quản lý khoản cho vay...

3. Quy trình, thẩm quyền quyết định ủy thác cho vay

3.1 Quy trình ủy thác cho vay

a) Quỹ lựa chọn bên nhận ủy thác và trình cấp có thẩm quyền quyết định ủy thác cho vay.

b) Sau khi có quyết định phê duyệt, Quỹ và bên nhận ủy thác tiến hành ký hợp đồng ủy thác cho vay.

3.2 Thẩm quyền quyết định ủy thác cho vay thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động nhận ủy thác và ủy thác của Quỹ.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị vay vốn

Khi có nhu cầu vay vốn, Khách hàng gửi cho Quỹ hồ sơ đề nghị vay vốn, cụ thể như sau:

1. Giấy đề nghị vay vốn (Theo mẫu quy định của Quỹ).

2. Hồ sơ pháp lý của khách hàng:

a) Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy phép hành nghề đối với những ngành nghề pháp luật quy định phải có giấy phép.

b) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Doanh nghiệp.

c) Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc); Hội đồng quản trị, Giám đốc Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã) nếu là người đại diện pháp luật của đơn vị; Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc chấp thuận chủ trương vay vốn, cử người đại diện pháp lý vay vốn, và tài sản thế chấp vay vốn tại Quỹ.

đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ tài chính của khách hàng:

a) Báo cáo tài chính 02 năm liên tục gần nhất và các báo cáo quý gần nhất trước khi đầu tư (đối với doanh nghiệp hoạt động trên 02 năm) hoặc Báo cáo năm trước và các báo cáo quý gần nhất trước khi đầu tư (đối với doanh nghiệp hoạt động dưới 02 năm). Báo cáo tài chính phải có kiểm toán hoặc báo cáo tài chính đã gửi cơ quan Thuế (đối với doanh nghiệp nhỏ);

b) Báo cáo về năng lực của khách hàng (Theo mẫu quy định của Quỹ).

c) Văn bản chấp thuận tài trợ vốn của các tổ chức tín dụng khác (nếu có).

4. Hồ sơ dự án:

- Dự án đầu tư đã được hoàn chỉnh theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền (đối với dự án phải có Chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư).

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Quyết định phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán hoặc dự toán hạng mục công trình của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến dự án (nếu có) như: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông tin quy hoạch, giấy phép quy hoạch, quyết định phê duyệt quy hoạch, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch môi trường, phòng cháy chữa cháy, giấy phép khai thác tài nguyên, giấy phép xây dựng, ...

5. Các hồ sơ về tài sản bảo đảm tiền vay:

a) Danh mục tài sản thế chấp kèm theo các hồ sơ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền quản lý hợp pháp của bên thế chấp đối với tài sản bảo đảm;

b) Các hồ sơ bảo hiểm tài sản thế chấp và bảo hiểm công trình xây dựng (nếu thuộc đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc);

c) Các tài liệu khác có liên quan: Thư bảo lãnh và các văn bản chứng minh khả năng tài chính của tổ chức đứng ra bảo lãnh cho khoản vay (nếu có); Văn bản cam kết bố trí kế hoạch vốn để trả nợ vay (nếu có).

Tất cả tài liệu nêu trên phải là **bản chính** hoặc **bản sao có chứng thực**. Khách hàng phải cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 16. Thẩm định và thẩm định lại dự án

1. Thẩm định dự án:

a) Thẩm định dự án sử dụng vốn vay tại Quỹ là việc Quỹ tổ chức xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả, tình hình tài chính và khả năng hoàn trả vốn vay của dự án để quyết định cho vay hoặc không cho vay theo Quy trình thẩm định của Quỹ ban hành hoặc thuê tư vấn thẩm định nhằm hạn chế rủi ro, không ngừng nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án sử dụng vốn vay tại Quỹ.

b) Đảm bảo tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay nhằm bảo đảm khả năng thu hồi vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh;

c) Thời gian thẩm định tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Riêng đối với các dự án được hỗ trợ vay vốn, được tài trợ từ các nhà tài trợ quốc tế, thời gian thẩm định 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các tài liệu theo quy định.

Thời gian thẩm định không bao gồm thời gian trình thông qua Hội đồng tư vấn thẩm định Quỹ, Giám đốc Quỹ, các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoặc UBND tỉnh Đồng Nai;

d) Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư lớn, các chỉ tiêu tính toán khả năng hiệu quả kinh tế phức tạp hoặc do nguyên nhân khách quan thời gian thẩm định có thể tăng lên nhưng tối đa không quá 1,5 lần thời gian quy định tại Điểm c của khoản này;

2. Quỹ có thể thực hiện thẩm định lại dự án trong các trường hợp sau:

a) Dự án có thay đổi so với quyết định đầu tư đã phê duyệt và được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án bằng văn bản đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng;

b) Sau thời hạn 12 tháng kể từ khi Quỹ có quyết định cho vay nhưng dự án chưa được triển khai thực hiện hoặc chưa được giải ngân.

3. Chi tiết hồ sơ, thủ tục và trình tự thẩm định cho vay của Quỹ do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 17. Hợp đồng tín dụng

1. Hợp đồng tín dụng được Quỹ và khách hàng thỏa thuận ký một lần cho tổng số vốn vay của toàn bộ dự án, phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và được lập theo mẫu thống nhất do Quỹ ban hành, gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên, địa chỉ của Quỹ; tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc mã doanh nghiệp của khách hàng vay vốn.

b) Số tiền cho vay.

c) Mục đích sử dụng vốn vay.

d) Đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ.

đ) Phương thức cho vay.

e) Thời hạn cho vay.

g) Lãi suất cho vay, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; loại phí liên quan đến khoản vay và mức phí áp dụng (nếu có).

h) Hình thức bảo đảm tiền vay, giá trị tài sản bảo đảm.

i) Giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay.

k) Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay và thứ tự thu hồi gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn.

l) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Quỹ chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hình thức và nội dung thông báo chuyển nợ quá hạn theo khoản 2 Điều 22 Quy chế này.

m) Trách nhiệm của khách hàng trong việc phối hợp với Quỹ và cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản vay để Quỹ thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.

n) Các trường hợp chấm dứt cho vay; thu nợ trước hạn; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ trước hạn khi Quỹ chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; hình thức và nội dung thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo khoản 1 Điều 23 Quy chế này.

o) Xử lý nợ vay; phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại; quyền và trách nhiệm của các bên.

p) Hiệu lực của hợp đồng và các nội dung thỏa thuận phù hợp khác (nếu có).

2. Khi có sự thay đổi nội dung trong hợp đồng tín dụng, hai bên sẽ thỏa thuận và thống nhất điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan cùng thống nhất.

3. Hợp đồng tín dụng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và gửi cho các bên sau đây: Quỹ (04 bản); khách hàng (01 bản).

4. Trường hợp trước khi ký hợp đồng tín dụng hoặc khi hợp đồng tín dụng đã có hiệu lực nếu Quỹ phát hiện khách hàng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc dự án/phương án không có hiệu quả, không bảo đảm khả năng trả nợ ảnh hưởng đến an toàn tín dụng thì Quỹ có quyền quyết định đình chỉ việc ký hợp đồng tín dụng hoặc ngừng cấp vốn vay hoặc đồng thời thực hiện thu nợ trước hạn, thực hiện thanh lý hợp đồng và báo cáo kịp thời với người có thẩm quyền quyết định cho vay.

Điều 18. Giải ngân vốn vay

1. Điều kiện giải ngân:

a) Hoàn thành các thủ tục về tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và hợp đồng cầm cố tài sản đã được Quỹ và đơn vị vay vốn, bên bảo đảm ký kết.

b) Vốn vay được giải ngân đúng mục đích như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

c) Đã có khối lượng thực hiện được nghiệm thu, hàng hóa nhập kho hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đã được phê duyệt, trừ trường hợp giải ngân khoản tạm ứng lần đầu tiên.

2. Hồ sơ và trình tự thủ tục giải ngân:

Chi tiết hồ sơ và trình tự, thủ tục giải ngân được quy định trong Quy trình giải ngân của Quỹ do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 19. Theo dõi, thu nợ gốc và lãi vay

1. Các dự án trong thời gian ân hạn, khách hàng chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi vay.

2. Đến kỳ hạn trả nợ (gốc và lãi) theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký, khách hàng có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ đúng hạn.

3. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, nếu khách hàng không trả đúng hạn thì Quỹ chuyển số nợ gốc đến hạn trả nhưng chưa trả sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn được quy định tại khoản 6 Điều 9 của Quy chế này. Thời gian chuyển nợ quá hạn được tính từ ngày làm việc đầu tiên của tháng chuyển nợ quá hạn (Ngày trả nợ gốc trùng vào ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo liền kề).

4. Trường hợp khách hàng muốn trả nợ trước hạn phải được sự chấp thuận của Quỹ.

5. Trường hợp khách hàng không trả nợ liên tiếp trong 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu trả nợ hoặc trả nợ không đáng kể so với nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu đã được gia hạn nợ), sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu, Quỹ được xem xét xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

a) Trình tự, thủ tục xử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ.

b) Sau khi xử lý tài sản bảo đảm tiền vay quy định tại khoản 5 Điều này mà vẫn không thu được hết nợ, Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

6. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Quỹ thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Quỹ thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.

Điều 20. Kiểm tra sử dụng tiền vay

1. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích.

2. Quỹ có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định pháp luật. Các tổ chức tín dụng; có quyền yêu cầu khách hàng báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích.

3. Đối với các khoản cho vay có mức giá trị nhỏ, tổ chức tín dụng có biện pháp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết và trả nợ của khách hàng, đảm bảo khả năng thu hồi nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.

Điều 21. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ

1. Quỹ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay theo quy định tại Điều 8 Quy chế này như sau:

a) Trước thời điểm trả nợ gốc 15 ngày, nếu khách hàng nhận thấy không thể trả nợ đúng hạn theo lịch trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng do

nguyên nhân khách quan, thì khách hàng phải có văn bản đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn thời gian trả nợ vay, và phải giải trình rõ lý do không trả được nợ, đồng thời phải có phương án cụ thể đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn, để tạo nguồn trả nợ và cam kết trả nợ cụ thể trong thời gian tới gửi đến cho Quỹ.

b) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay nhưng được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được khách hàng đề nghị điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

c) Khách hàng không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận nhưng được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ theo đề nghị của khách hàng.

d) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

đ) Đối với các dự án cho vay bằng nguồn vốn nhận ủy thác của ngân sách xử lý gia hạn nợ theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

e) Trong trường hợp không chấp thuận việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Quỹ sẽ gửi văn bản cho khách hàng và đơn đốc việc trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

Điều 22. Nợ quá hạn và chuyển nợ quá hạn

1. Quỹ chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Quỹ chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

2. Quỹ thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn bằng văn bản. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị quá hạn.

3. Thời gian chuyển nợ quá hạn theo khoản 3 điều 19 quy chế này.

Điều 23. Chấm dứt cho vay, xử lý nợ

1. Quỹ có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay. Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Quỹ phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc

bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

2. Trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, Quỹ có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì khách hàng có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ.

3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm bị Tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Quỹ đối với khách hàng, bên bảo đảm, thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Trong thời gian chưa trả hết nợ vay (gốc và lãi) cho Quỹ, nếu khách hàng thực hiện chuyển đổi sở hữu hoặc chia tách, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc có quyết định thay đổi chủ đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền thì khách hàng có trách nhiệm thông báo cho Quỹ về thời gian và tiến trình thực hiện đồng thời khách hàng phải xây dựng phương án trả số nợ vốn vay (gốc và lãi) còn lại chưa trả cho Quỹ trước khi thực hiện chuyển đổi sở hữu, thay đổi khách hàng (trừ trường hợp có ý kiến khác của Quỹ).

Điều 24. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài.

Điều 25. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

Thực hiện theo Quy chế quản lý và xử lý rủi ro vốn tín dụng của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 26. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Quỹ và khách hàng được thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp Quỹ hoặc khách hàng không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Quỹ và khách hàng có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp Quỹ và khách hàng có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

Điều 27. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra

1. Quỹ có trách nhiệm cung cấp báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước khu vực trong trường hợp cần thiết.

2. Tất cả các hoạt động cho vay và thu hồi nợ của Quỹ đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Chương III **QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Quỹ

1. Quyền hạn:

a) Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, hồ sơ pháp lý và các tài liệu chứng minh dự án khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay.

b) Từ chối yêu cầu vay vốn của khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn, dự án vay vốn không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc quy định của Quỹ.

c) Được áp dụng các chế tài tài chính để thu hồi nợ gốc và lãi vay theo quy định của Quỹ và quy định pháp luật.

d) Yêu cầu khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến vốn vay.

đ) Đình chỉ cho vay và thu nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích.
- Phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai lệch về việc sử dụng vốn vay và tình hình tài chính, vi phạm hợp đồng tín dụng.
- Tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của khách hàng đe dọa nghiêm trọng đến khả năng trả nợ vốn vay cho Quỹ.
- Khách hàng chuyển hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập... mà không có sự thông báo cho Quỹ.
- Khách hàng giải thể, ngừng hoạt động...

e) Khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc người bảo lãnh vi phạm cam kết bảo lãnh với Quỹ theo quy định của pháp luật.

g) Khi đến hạn trả nợ mà khách hàng không trả được nợ, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì Quỹ có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp khách hàng được bảo lãnh vay vốn.

h) Được quyền thụ hưởng tiền bồi thường bảo hiểm tài sản đối với tài sản hình thành trong tương lai và tài sản thế chấp khác.

i) Miễn, giảm lãi vay, cơ cấu lại thời gian trả nợ, khoan nợ, xóa nợ theo quy định của Nhà nước và quy định của Quỹ.

2. Nghĩa vụ:

- a) Có trách nhiệm giải ngân vốn vay theo đúng tiến độ thực hiện dự án;
- b) Thực hiện đúng những thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.
- c) Lưu giữ, bảo quản hồ sơ vay vốn, hồ sơ đảm bảo tiền vay đúng quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của khách hàng

1. Quyền hạn:

- a) Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay.
- b) Được giải ngân vốn vay theo các điều kiện ghi trong hợp đồng tín dụng.
- c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật và yêu cầu Quỹ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do Quỹ vi phạm hợp đồng tín dụng gây nên.
- d) Đề nghị Quỹ gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc; giảm, giãn, miễn lãi vay.
- đ) Được trả nợ trước hạn của hợp đồng tín dụng khi có sự chấp thuận của Quỹ.

2. Nghĩa vụ:

- a) Chấp hành đúng các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật.
- b) Mở tài khoản tiền vay tại Quỹ trước khi ký Hợp đồng tín dụng; thông báo cho Quỹ biết việc mở, đóng và thay đổi tài khoản mở tại các Tổ chức tín dụng để giao dịch với Quỹ.
- c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
- d) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong thỏa thuận cho vay và các cam kết khác.
- đ) Trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

g) Gửi cho Quỹ báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, năm hoặc theo cầu kiểm tra, giám sát. Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, hợp pháp trong báo cáo tài chính gửi Quỹ.

h) Khi thay đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Quỹ. Trường hợp chưa trả hết nợ (gốc và lãi) thì khách hàng phải làm thủ tục chuyển nợ vay cho chủ sở hữu mới trước khi bàn giao tài sản, để chủ sở hữu mới ký nhận nợ với Quỹ.

i) Khách hàng phải thông báo kịp thời với Quỹ về:

- Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến giá trị của tài sản bảo đảm tiền vay tại Quỹ.

- Những thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của khách hàng và những thay đổi khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho Quỹ.

- Thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự.

- Đổi tên, thay đổi địa chỉ trụ sở chính của khách hàng.

- Khách hàng tiến hành thay đổi hình thức sở hữu Doanh nghiệp, chia tách, sáp nhập, ngừng hoạt động, giải thể...

k) Trong thời gian còn dư nợ vay tại Quỹ, khách hàng không được dùng tài sản đang thế chấp đảm bảo khoản vay tại Quỹ để bảo đảm nghĩa vụ cho tổ chức khác và phải mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm theo quy định với người thụ hưởng bồi thường là Quỹ trừ trường hợp có thỏa thuận khác với Quỹ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Quỹ, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện cho vay theo đúng Quy chế này.

2. Đối với các dự án đã được cho vay trước khi quy chế này có hiệu lực vẫn tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký.

3. Trường hợp các chính sách pháp luật có liên quan thay đổi điều chỉnh, bổ sung mà quy chế này không còn phù hợp thì thực hiện theo chính sách pháp luật hiện hành.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Giám đốc Quỹ phản ánh kịp thời, đề xuất bổ sung, sửa đổi, thay thế cho phù hợp trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định./.